

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4673 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình
xử lý sạt lở đe hữu sông Chu, đoạn K18+600÷K18+950 (đê cấp I),
xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015, số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xử lý sạt lở đe hữu sông Chu, đoạn K18+600÷K18+950 (đê cấp I), xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 62/TTr-SNN&PTNT ngày 12/4/2019 (kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 1275/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 12/4/2019 và hồ sơ công trình) về việc phê

duyet Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình xử lý sạt lở đê hữu sông Chu, đoạn K18+600÷K18+950 (đê cấp I), xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình xử lý sạt lở đê hữu sông Chu, đoạn K18+600÷K18+950 (đê cấp I), xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Xử lý sạt lở đê hữu sông Chu, đoạn K18+600÷K18+950 (đê cấp I), xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân.

2. Tên chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH xây dựng An Khánh Hưng.

4. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo an toàn, ổn định cho tuyến đê hữu sông Chu, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do lũ lụt gây ra, nhanh chóng đưa công trình vào phục vụ công tác phòng, chống lụt bão năm 2019 và những năm tiếp theo.

5. Quy mô đầu tư và các thông số thiết kế chủ yếu:

5.1. Quy mô đầu tư:

- Tần suất mực nước kiệt thiết kế kè: $P = 95\%$.
- Tần suất đảm bảo phòng, chống lũ: $P = 0,6\%$.
- Hệ số ổn định cho phép: $[K] \geq 1,35$.

5.2. Các thông số thiết kế chủ yếu:

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
1	Chiều dài tuyến kè thiết kế	m	349,08
2	Cao trình đỉnh đồng đá thiết kế	m	+4,70
3	Cao trình đỉnh kè thiết kế	m	+10,90
4	Chiều rộng đỉnh cơ đồng đá chân kè	m	(6÷16)
5	Hệ số mái kè		(2,25÷2,5)
6	Hệ số mái chân kè		2

6. Nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

6.1. Nội dung đầu tư: Kè chống sạt lở đê hữu sông Chu đoạn K18+600÷K18+950, xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân với chiều dài $L = 349,08\text{m}$.

6.2. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

a) Tuyến kè:

- Vị trí, hướng tuyến: Theo hướng tuyến bãi sông hiện tại, vị trí đầu thiết kế tương ứng tại K18+622; điểm cuối tại K18+950 tuyến đê hữu sông Chu.

- Chân kè: Kiểu lãng thể tựa bằng đá hộc thả rời; mặt và mái từ cao trình đỉnh lãng thể (+4.70) m xuống cao trình (+4.20) m được chêm chèn chặt bằng đá lát khan dày 30 cm; khóa đỉnh đá lát bằng dầm bê tông cốt thép (BTCT) M250, dọc tuyến kè cứ 11,8 m bố trí 1 khe lún chèn hai lớp giấy dầu tấm nhựa đường.

- Mái kè: Được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x16) cm trong hệ khung dầm bằng BTCT M250 được tạo bởi các dầm dọc và ngang mái kè; bên dưới cấu kiện bê tông đúc sẵn là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 hoặc tương đương.

- Đỉnh kè: Khóa đỉnh kè bằng dầm BTCT M250, dọc tuyến cứ 11,8 m bố trí 1 khe lún chèn hai lớp giấy dầu tấm nhựa đường.

b) Công trình trên tuyến kè:

- Bậc lên xuống: Được bố trí tại K0+165,36; chiều rộng bậc $B = 2,5$ m, kết cấu bằng bê tông thường M200.

- Dốc phục vụ thi công tại K0+260,39: Nền dốc bằng đất đắp đầm lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; mặt dốc được gia cố bằng cấp phối đá dăm loại 2 lu lèn chặt dày 20 cm.

- Tuyến đường thi công từ cuối tuyến kè đến bãi đúc cấu kiện: Nền đường bằng đất đắp đầm lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; mặt đường được gia cố bằng cấp phối đá dăm loại 2 lu lèn chặt dày 20 cm. Sau khi thi công xong, tuyến đường được thanh thải trả lại mặt bằng hiện trạng.

7. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp I.

8. Địa điểm xây dựng: Xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân.

9. Diện tích sử dụng đất: 1.500 m².

10. Phương án giải phóng mặt bằng (nếu có): Chủ đầu tư phối hợp với UBND huyện Thọ Xuân tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Tổng mức đầu tư:

10.000,0 triệu đồng;

Trong đó:

Chi phí xây dựng:

8.397,2 triệu đồng;

Chi phí quản lý dự án:	189,8 triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD:	731,0 triệu đồng;
Chi phí khác:	493,1 triệu đồng;
Chi phí dự phòng:	188,9 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ là 10.000 triệu đồng (theo văn bản số 14473/UBND-THKH ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh). Riêng chi phí bồi thường GPMB (nếu có) do UBND huyện Thọ Xuân bố trí kinh phí và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

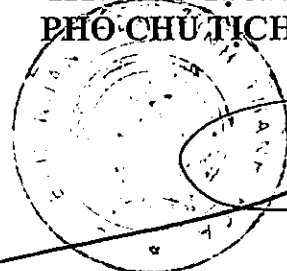
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, NN, TTHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**Công trình xử lý sạt lở, đê hữu sông Chư, đoạn K18+600÷K18+950 (đê cấp I),
xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân**

(Kèm theo Quyết định số: 1643/QĐ-UBND ngày 06/tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Tổng mức đầu tư
1	Chi phí xây dựng (Gxd)		8.397,2
2	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ)	$Gxd \times 3,108\% \times 0,8/1,1$	189,8
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		731,0
3.1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	QĐ 69/QĐ-SNN&PTNT ngày 15/02/2019	135,165
3.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát		4,055
3.3	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật		316,073
3.4	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng		5,504
3.5	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	QĐ 70/QĐ-SNN&PTNT ngày 15/02/2019	10,290
3.6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$2,598\% \times Gxd$	218,159
3.7	Chi phí giám sát, đánh giá dự án	$20\% \times Gqlđ$	41,758
4	Chi phí khác		493,1
4.1	Chi phí hạng mục chung	$4\% \times Gxd$	335,888
4.2	Phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	$0,019\% \times TMĐT$	1,900
4.3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	$0,65\% \times TMĐT$	65,000
4.4	Phí bảo hiểm công trình	$1,04\% \times Gxd$	87,331
4.5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan nhà nước	Tạm tính	3,000
5	Chi phí dự phòng		188,9
	Tổng cộng		10.000,0